

Bản án số: 108/2023/DS-PT

Ngày 14 - 12 - 2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng chơi họ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thuý Mai và bà Lê Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Ánh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bà Hoàng Thị Tuyết
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 122/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 112/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị P, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 1, xã Đ1, huyện L1, thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Số 35, đường C1, phường B1, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 35, đường C1, phường B1, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc (Văn bản ủy quyền ngày 15/6/2022), “có mặt”.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu hành chính số 2, phường B1, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ liên hệ: Số 235, đường P, phường Q1, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

3. *Người làm chứng:*

- Chị Đỗ Thị Ngọc O, sinh năm 1978; địa chỉ: 108 đường C2, phường Đ2, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

- Chị Lê Thị T , sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn 2, xã Đ1, huyện L1, thành phố Hà Nội, “vắng mặt”.

- Chị Trần Thị Tú N , sinh năm 1988; địa chỉ: TDP Cầu 7, phường P3 , quận L3 , thành phố Hà Nội, “vắng mặt”.

- Chị Trần Quỳnh T5 , sinh năm 1987; địa chỉ: TDP N2 , thị trấn H2 , huyện X1 , tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

- Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1990; địa chỉ: TDP N3 , thị trấn C2, huyện Đ3, tỉnh Vĩnh Phúc “vắng mặt”

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Nguyễn Thị H1 .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Chị P và chị H1 là đồng nghiệp, chơi cùng nhau từ năm 2016. Trước đó cả hai chị không có mâu thuẫn gì. Từ những năm 2017, chị P và chị H1 thường xuyên chơi các bát họ cùng nhau, một lúc có thể chơi nhiều bát họ. Trong đó có bát họ chơi từ ngày 10/01/2018 và kết thúc tháng 4 năm 2020. Bát họ này có 8 người chơi bao gồm: chị Trần Thị Tú N , chị Đỗ Thị Ngọc O , chị Nguyễn Thị Q, chị Lê Thị T , chị Tô Minh M1 , chị Trần Quỳnh T5 , chị Nguyễn Thị H1 và chị Triệu Thị P . Cả bát họ có 8 người chơi nhưng vì có chị N chơi 2 suất, chị Tô Minh M1 chơi $\frac{1}{2}$ suất và chị Triệu P chơi 2,5 suất nên bát họ là 10 suất.

Trước khi chơi, tất cả những người chơi đều ngồi với nhau để thỏa thuận về phương thức chơi và thứ tự lấy họ (bốc thăm) và bầu ra chị Triệu Thị P là người đứng đầu họ để thu tiền và chi tiền cho những người đến lượt lấy. Cách chơi là người chơi đóng tiền theo quý, quý đầu tiên tính bắt đầu từ ngày 10/01/2018 đến tháng 3/2018, mỗi người đóng là 100.000.000 đồng, sau đó đến quý tiếp theo người nào đã lấy thì phải đóng 120.000.000 đồng. Như vậy thứ tự lấy họ sẽ là 900.000.000 đồng đến 920.000.000 đồng; 940.000.000...người cuối cùng lấy sẽ là 1.080.0000.000 đồng.

Trong bát họ này vị trí lấy họ theo thứ tự là chị N lấy thứ 1 và thứ 10; chị Triệu Thị P lấy thứ 2, thứ 6 và $\frac{1}{2}$ bát họ cùng chị Tô Minh M1 vào lần thứ 9; chị H1 lấy họ lần thứ 3; chị T lấy họ lần thứ 4; chị O lấy họ lần thứ 5; Chị T5 lấy họ lần thứ 7; còn chị Q là người lấy thứ tự số 8.

Đến quý thứ 3, ngày 10/7/2018, chị H1 đã lấy họ đủ số tiền 940.000.000 đồng, trong đó có 890.000.000 đồng là chị P chuyển khoản cho chị H1 , còn lại 50.000.000 đồng chị P đưa tiền mặt (không có giấy tờ gì chứng minh, chỉ thể hiện trong sổ nhận họ). Sau khi nhận đủ tiền, chị H1 có ký nhận vào sổ nhận họ

của chị P và xác nhận nợ lại 7 suất. Từ quý thứ 4 đến quý thứ 8, chị H1 không đóng đủ số tiền họ theo thỏa thuận cho chị P nhưng vì chị P là chủ họ nên chị P phải có trách nhiệm thu tiền, ứng tiền để trả đủ cho mọi người. Thời gian này chị P đã ứng tiền đóng họ cho chị H1. Ngày 08/01/2020, chị H1 đã viết giấy xác nhận nợ họ chị P số tiền 230.000.000 đồng. Tiếp đó đến quý thứ 9 và quý thứ 10, chị H1 không đóng tiền họ cho chị P nữa. Chị P đã phải ứng tiền của mình để trả tiền họ cho chị N và chị Tô Minh M1. Nay chị P khởi kiện yêu cầu chị H1 phải trả cho chị số tiền còn nợ họ là 470.000.000 đồng; đồng thời phải trả tiền lãi đối với số tiền nợ họ từ ngày 08/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 168.596.000 đồng, cụ thể:

- Đối với số tiền nợ gốc 230.000.000 đồng, từ 08/01/2020 đến 06/9/2023, là 1.318 ngày. Được tính lãi như sau: $(230.000.000 \text{ đ} \times 10\%/năm) : 365 \times 1.318 = 83.052.000 \text{ đồng}$.

- Đối với 120.000.000 đồng, từ 10/01/2020 đến 06/9/2023, là 1.316 ngày. Được tính lãi như sau: $(120.000.000 \text{ đ} \times 10\%/năm) : 365 \times 1.316 = 43.265.000 \text{ đồng}$.

- Đối với 120.000.000 đồng, từ 10/4/2020 đến 06/9/2023, là 1.286 ngày. Được tính lãi như sau: $(120.000.000 \text{ đ} \times 10\%/năm) : 365 \times 1.286 = 42.279.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi của mà chị P yêu cầu chị H1 phải trả là 168.596.000 đồng

Bị đơn chị Nguyễn Thị H1 trình bày:

Chị và chị P là bạn bè chơi với nhau từ năm 2016, các chị không có mâu thuẫn gì. Từ năm 2017, chị và chị P thường xuyên chơi họ cùng nhau, một lúc có thể chơi nhiều bát họ. Cách thức chơi thì chị P luôn làm chủ họ nên số lượng người chơi chị P luôn biết rõ. Mọi giao dịch chị chỉ liên lạc với chị P còn những người khác có người chị biết, có người chị không biết. Đối với bát họ bắt đầu từ 10/01/2018 chị không nhớ vì chị chơi nhiều bát họ. Số lượng người chơi trong bát họ này chị cũng không nhớ. Chị và chị P có chơi bát họ quý 100.000.000 đồng. Cách thức chơi như sau: Quý đầu tiên mỗi người đóng 100.000.000 đồng; quý 2 người nào đã lấy thì đóng 120.000.000 đồng (trong đó 100.000.000 đồng là tiền góp họ còn 20.000.000 đồng là tiền đóng cho chủ họ để điều hành). Chị không nhớ bát họ này có bao nhiêu người chơi nên không nhớ khi nào kết thúc. Chị không nhớ chị nhận tiền khi nào với số tiền bao nhiêu.

Ngày 09/7/2018 chị có nhận được tiền họ do chị P chuyển khoản thông qua hai giao dịch với tổng số tiền là 890.000.000 đồng. Đây là số tiền chị được nhận họ từ các bát họ chị đang chơi với Phương nhưng chị không có tài liệu chứng cứ chứng minh chị cùng lúc chơi với Phương nhiều bát họ; chị chỉ có sao

kê tài khoản thể hiện các giao dịch cho việc chuyển khoản nhận họ và nộp họ cho Phương.

Đối với giấy nhận nợ họ ngày 08/01/2020, chị xác nhận có viết giấy trên và đúng chữ ký của chị. Nội dung của giấy trên thể hiện giữa chị và chị P có chơi họ với nhau chứ không thể hiện chị nợ tiền họ chị P. Kể từ đó đến nay, chị và chị P không có bất kỳ giao dịch nào liên quan đến việc chơi họ. Trường hợp chị P cho rằng chị còn nợ chị P thì đề nghị chị P cung cấp các chứng từ thể hiện chị nhận tiền họ từ chị P bằng tiền mặt hoặc sao kê tài khoản chứng minh số tiền chị còn nợ. Chị khẳng định không còn nợ chị P bất cứ khoản tiền họ nào thể hiện qua các giao dịch chuyển tiền mà chị đã trích từ sao kê tài khoản ngân hàng để cung cấp cho Tòa. Cụ thể các giao dịch chuyển khoản từ ngày 16/02/2017 đến ngày 10/01/2019. Vì vậy chị không đồng ý trả nợ tiền họ theo yêu cầu khởi kiện của chị P.

Những người làm chứng chị Lê Thị T, chị Đỗ Thị Ngọc O, chị Trần Thị Tú N, chị Trần Quỳnh T5 và chị Nguyễn Thị Q đề trình bày: Các chị đều là bạn, đồng thời là đồng nghiệp cùng chị P với chị H1. Giữa các chị không hề có mâu thuẫn gì. Khoảng tháng 01 năm 2018 nhóm chị em gồm có chị Lê Thị T, chị Triệu Thị P, chị Nguyễn Thị H1, chị Đỗ Thị Ngọc O, chị Trần Thị Tú N, chị Trần Quỳnh T5, chị Nguyễn Thị Q, chị Tô Minh M1 có rủ nhau chơi họ. Trong đó có chị N chơi 02 suất, chị Triệu P chơi 2,5 suất. Như vậy mặc dù có 8 người chơi nhưng bát họ là 10 suất.

Thời gian chơi bắt đầu từ tháng 01/2018 đến tháng 04/2020. Trước khi chơi, tất cả những người chơi đều ngồi với nhau để thỏa thuận về phương thức chơi và thứ tự lấy họ (bốc thăm) và bầu ra chị Triệu Thị P là người đứng đầu họ để thu tiền và chi tiền cho những người đến lượt lấy. Cách chơi là mọi người đóng tiền theo quý, quý đầu tiên tính bắt đầu từ ngày 10/01/2018 đến tháng 3/2018, mỗi người đóng là 100.000.000 đồng, sau đó đến quý tiếp theo người nào đã lấy thì phải đóng 120.000.000 đồng. Như vậy thứ tự số tiền lấy họ của các quý sẽ là 900.000.000 đồng, 920.000.000 đồng; 940.000.000 đồng.... người cuối cùng lấy sẽ là 1.080.0000.000 đồng. Vì là chị em làm cùng nên việc thỏa thuận đóng tiền, nhận tiền họ của mọi người rất đơn giản. Khi lấy họ các chị có người ký, ghi rõ họ tên, xác nhận đã lấy họ và nợ họ bao nhiêu suất vào sổ chơi họ do chị P quản lý nhưng cũng có người không ký xác nhận vào sổ của chị P. Việc lấy tiền họ có thể nhận tiền mặt hoặc chuyển khoản tùy thuộc vào cách thức đóng họ của mọi người (Nếu nhận bằng tiền mặt thì chỉ đưa cho nhau không có giấy tờ gì thể hiện).

Ngoài ra, từng người làm chứng trình bày:

- *Chị Lê Thị T trình bày:* Trong bát họ này chị là người lấy thứ tự số 4, có nghĩa vào thời điểm từ tháng 10/2018 đến tháng 12/2018. Số tiền chị lấy là

960.000.000 đồng. Chị còn nợ lại 6 suất, tương đương với số tiền 720.000.000 đồng. Sau khi lấy họ thì chị tiếp tục đóng họ theo thỏa thuận vào các quý tiếp theo. Về việc chị P khởi kiện chị H1 liên quan đến số tiền chơi họ còn thiếu, quan điểm của chị như sau: Chị H1 là người lấy họ tại quý thứ 3 với số tiền 940.000.000 đồng, còn nợ lại 7 suất. Như vậy các quý tiếp theo chị H1 sẽ phải đóng mỗi quý là 120.000.000 đồng. Nhưng khoảng quý thứ 6 chị có nghe chị P nói về việc chị H1 chậm họ và nợ họ. Nhưng vì chị P là chủ họ nên chị P phải có trách nhiệm thu tiền, ứng tiền để trả đủ cho mọi người. Chị khẳng định có việc chị P phải ứng tiền đối với số tiền nợ của chị H1 để đưa đủ cho những người lấy họ tiếp theo. Sau thời gian đó chị H1 đã trả cho chị P hay chưa chị không biết.

- *Chị Nguyễn Thị Q trình bày:* Trong bát họ này vị trí lấy họ theo thứ tự là chị N lấy thứ 1 và thứ 10; chị Triệu Thị P lấy thứ 2, lần thứ 6 và $\frac{1}{2}$ bát họ cùng chị Tô Minh M1 vào lần thứ 9; chị H1 lấy họ lần thứ 3; chị T lấy họ lần thứ 4; chị Oláy họ lần thứ 5; Chị T5 lấy họ lần thứ 7; còn chị là người lấy thứ tự số 8, vào khoảng tháng 10/2019. Số tiền chị lấy là 1.040.000 đồng. Chị còn nợ lại 2 suất, tương đương với số tiền 240.000.000 đồng. Sau khi lấy họ thì chị tiếp tục đóng họ theo thỏa thuận vào các quý tiếp theo. Thời điểm đầu khi đăng ký chơi bát họ này, chị định chơi chung cùng chị Triệu Thị P nên trong sổ có ghi là Quyên + Phương nhưng sau đó chị cân đối được tài chính nên đã chơi một mình một suất, không chung cùng chị P nữa.

Về việc chị P khởi kiện chị H1 liên quan đến số tiền chơi họ còn thiếu, quan điểm của chị như sau: Chị H1 là người lấy họ tại quý thứ 3 với số tiền 940.000.000 đồng, còn nợ lại 7 suất. Như vậy các quý tiếp theo chị H1 sẽ phải đóng mỗi quý là 120.000.000 đồng. Nhưng khoảng quý thứ 6 chị có nghe chị P nói về việc chị H1 chậm họ và nợ họ nhưng vì chị P là chủ họ nên chị P phải có trách nhiệm thu tiền, ứng tiền để trả đủ cho mọi người. Chị khẳng định có việc chị P phải ứng tiền đối với số tiền nợ của chị H1 để đưa đủ cho những người lấy họ tiếp theo. Sau thời gian đó chị H1 đã trả cho chị P hay chưa chị không biết.

- *Chị Trần Thị Tú N trình bày:* Trong bát họ này vị trí lấy họ theo thứ tự là chị lấy thứ 1 và thứ 10; chị Triệu Thị P lấy thứ 2, lần thứ 6 và $\frac{1}{2}$ suất họ cùng chị Tô Minh M1 vào lần thứ 9; chị H1 lấy họ lần thứ 3; chị T lấy họ lần thứ 4; chị Oláy họ lần thứ 5; Chị T5 lấy họ lần thứ 7; còn chị Q là người lấy thứ tự số 8. Lần thứ 1 chị lấy họ vào ngày 10/01/2018 với số tiền 900.000.000 đồng do Triệu P chuyển khoản cho chị. Chị còn nợ lại 9 suất, tương đương với số tiền 1.080.000.000 đồng. Sau khi lấy họ thì chị tiếp tục đóng họ theo thỏa thuận vào các quý tiếp theo; bát họ cuối và cũng là thứ tự thứ 10 chị lấy vào tháng 4 năm 2020 với số tiền 1.080.000.000 đồng do chị P đưa tiền mặt cho chị. Đây cũng là thứ tự cuối cùng để các chị kết thúc bát họ này.

- *Chị Đỗ Thị Ngọc O trình bày:* Trong bát họ này vị trí lấy họ theo thứ tự là chị N lấy thứ 1 và thứ 10; chị Triệu P lấy thứ 2, thứ 6 và ½ suất họ cùng chị Tô Minh M1 vào lần thứ 9; chị H1 lấy họ lần thứ 3; chị T lấy họ lần thứ 4; chị lấy họ lần thứ 5; Chị T5 lấy họ lần thứ 7; còn chị Q là người lấy thứ tự số 8. Chị lấy họ lần thứ 5 vào khoảng ngày 10/01/2019 với số tiền 980.000.000 đồng do chị Triệu Thị P chuyển cho chị. Chị còn nợ lại 5 suất, tương đương với số tiền 600.000.000 đồng. Sau khi lấy họ thì chị tiếp tục đóng họ theo thỏa thuận vào các quý tiếp theo cho đến khoảng tháng 4/2020 thì kết thúc bát họ.

Về việc chị P khởi kiện chị H1 liên quan đến số tiền chị H1 còn thiếu, quan điểm của chị như sau: Chị H1 là người lấy hộ tại quý thứ 3 với số tiền 940.000.000 đồng, còn nợ lại 7 suất. Như vậy các quý tiếp theo chị H1 sẽ phải đóng mỗi quý là 120.000.000 đồng. Khoảng quý thứ 6 chị có nghe chị P nói về việc chị H1 chậm hộ và nợ hộ nhưng vì chị P là chủ hộ nên chị P phải có trách nhiệm thu tiền, ứng tiền để trả đủ cho mọi người. Chị khẳng định có việc chị P phải ứng tiền đối với số tiền nợ của chị H1 để đưa đủ cho những người lấy hộ tiếp theo. Sau thời gian đó chị H1 đã trả cho chị P hay chưa chị không biết.

- *Chị Trần Quỳnh T5 trình bày:* Chị là người lấy hộ thứ 7, số tiền là 1.020.000.000 đồng. Quá trình chơi hộ với nhau, đến khoảng quý thứ 6 chị có nghe nói về việc chị H1 chậm hộ và nợ hộ nhưng vì chị P là chủ hộ nên chị P phải có trách nhiệm thu tiền, ứng tiền để trả đủ cho mọi người. Chị khẳng định có việc chị P phải ứng tiền đối với số tiền nợ của chị H1 để đưa đủ cho những người lấy hộ tiếp theo. Sau thời gian đó chị H1 đã trả cho chị P hay chưa chị không biết.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2023/ DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định: Áp dụng khoản 4 Điều 466; Điều 468; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 16, Điều 17, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, húy, biểu, phùng; Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Nguyễn Thị H1 phải trả cho chị Triệu Thị P tổng số tiền là 638.596.000 đồng, trong đó có 470.000.000 đồng là tiền họ còn nợ và 168.596.000 đồng là tiền lãi phát sinh trên số tiền họ còn nợ kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật cho các đương sự.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, bị đơn chị Nguyễn Thị H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do: Chị đã đóng đủ tiền họ và lãi họ trước đó theo thoả thuận của hai bên chi tiết có trong sao kê tài khoản ngân hàng nhưng Toà án cấp sơ thẩm đánh giá chưa khách quan, toàn diện vụ án, đưa ra phán quyết thiếu công tâm ảnh hưởng đến quyền lợi và danh dự của chị. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ bỏ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm; bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do bị đơn đã trả đủ tiền họ và lãi họ; các đương sự không thoả thuận được với nhau về nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định; các đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị H1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị H1 trong hạn luật định; chị H1 đã nộp tạm ứng án phí nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ theo lời khai của các đương sự, của người làm chứng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm có cơ sở khẳng định:

Chị P và chị H1 là đồng nghiệp, chơi cùng nhau từ năm 2016. Trước đó cả hai chị không có mâu thuẫn gì. Từ những năm 2017, chị P và chị H1 thường xuyên chơi các bát họ cùng nhau, một lúc có thể chơi nhiều bát họ. Trong đó có

bát họ chơi từ ngày 10/01/2018 và kết thúc tháng 4 năm 2020. Bát họ này có 8 người chơi, đều là đồng nghiệp cùng làm việc tại Công ty Bảo hiểm nhân thọ Dai-ichi, bao gồm: Chị Trần Thị Tú N, chị Đỗ Thị Ngọc O, chị Nguyễn Thị Q, chị Lê Thị T, chị Tô Minh M1, chị Trần Quỳnh T5, chị Nguyễn Thị H1 và chị Triệu Thị P. Cả bát họ có 8 người chơi nhưng vì có chị N chơi 2 suất, chị Tô Minh M1 chơi $\frac{1}{2}$ suất và chị Triệu Thị P chơi 2,5 suất nên bát là 10 suất.

Trước khi chơi, tất cả những người chơi đều thỏa thuận về phương thức chơi, thứ tự lấy họ và bầu chị Triệu Thị P là người đứng đầu họ để thu, chi tiền cho những người đến lượt lấy. Cách chơi là mọi người đóng tiền theo quý, quý đầu tiên bắt đầu tính từ ngày 10/01/2018 đến tháng 3 năm 2018, mỗi người đóng là 100.000.000 đồng, sau đó đến quý tiếp theo người nào đã lấy thì phải đóng 120.000.000 đồng. Như vậy thứ tự lấy tiền họ sẽ là người đầu tiên lấy 900.000.000 đồng; người thứ hai lấy 920.000.000 đồng; người thứ ba lấy 940.000.000; người thứ tư lấy 960.000.000 đồng; người thứ 5 lấy 980.000.000 đồng; người thứ 6 lấy 1.000.000.000 đồng; người thứ 7 lấy 1.020.000.000 đồng; người thứ 8 lấy 1.040.000.000 đồng; người thứ 9 lấy 1.060.000.000 đồng và người cuối cùng lấy sẽ là 1.080.0000.000 đồng. Bát họ này đã kết thúc vào tháng 4/2020.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị H1 đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do chị đã trả hết nợ họ, lãi họ cho chị P thông qua việc chuyển khoản 21 lần với tổng số tiền 740.000.000 đồng từ ngày 09/8/2018 đến ngày 13/12/2019, đồng thời trả trước 02 kỳ được miễn lãi 40.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, với tiêu đề: “*Họ quý 100 triệu ăn 120 triệu, 10/01/2018 bắt đầu*”, thể hiện nội dung có 10 suất họ, xác nhận đã lấy họ của những người chơi họ và còn nợ lại bao nhiêu suất. Văn bản này phù hợp với lời khai của nguyên đơn và những người làm chứng (là các thành viên tham gia bát họ) về số người chơi họ, thứ tự lấy họ, số tiền lấy họ và suất họ còn nợ của từng người. Theo đó: Trong bát họ này vị trí lấy họ theo thứ tự là chị N lấy thứ 1 và thứ 10; chị Triệu Thị P lấy thứ 2, thứ 6 và $\frac{1}{2}$ suất họ cùng chị Tô Minh M1 vào lần thứ 9; chị H1 lấy họ lần thứ 3; chị T lấy họ lần thứ 4; chị O lấy họ lần thứ 5; Chị T5 lấy họ lần thứ 7; chị Q lấy họ lần thứ 8.

Tài liệu trên cũng thể hiện: Chị H1 lấy họ vị trí thứ 3 với số tiền 940.000.000 đồng, nợ lại 7 suất. Chị H1 đã ký nhận bên cạnh. Chữ ký, chữ viết này đã được giám định và kết luận là chữ ký, chữ viết của chị H1. Bản thân chị H1 sau khi được thông báo kết luận giám định cũng thừa nhận đây là chữ ký, chữ viết của mình. Do vậy, mặc dù chị H1 cung cấp sao kê và chỉ thừa nhận ngày 09/7/2018 có nhận được tiền họ do chị P chuyển khoản thông qua hai giao dịch với tổng số tiền là 890.000.000 đồng. Nhưng căn cứ nội dung của tài liệu,

chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cùng lời khai của nguyên đơn về số tiền chuyển khoản và số tiền 50.000.000 đồng đưa trực tiếp cho chị H1, có đủ cơ sở kết luận: Chị H1 đã nhận nợ quý 3 từ chị P với số tiền 940.000.000 đồng vào tháng 7/2018. Như vậy theo thỏa thuận chơi của những người tham gia bắt họ thì chị H1 còn nợ lại 7 suất họ, tương đương với số tiền 840.000.000 đồng.

Tại tài liệu, chứng cứ thứ 2 do nguyên đơn cung cấp, nội dung: “*Tên tôi là Nguyễn Thị H1, SN 25/03/1985. Địa chỉ: Khu HC2 B1 – Y – Vĩnh Phúc. Đến ngày 08/01/2020 chị còn nợ họ của Triệu Thị P số tiền 230.000.000 đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng chẵn). Ký và ghi rõ họ và tên Nguyễn Thị H1*”. Chị H1 thừa nhận do tài liệu trên do chị H1 trực tiếp viết và ký nhưng chị H1 cho rằng nội dung trên chỉ thể hiện giữa chị H1 và chị P có chơi họ với nhau chứ không thể hiện chị H1 nợ tiền họ chị P. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H1 lại cho rằng việc chị viết văn bản trên là do chị P bảo chị viết để chơi bắt họ mới và để chị P chuyển tiền bắt họ mới cho chị. Tuy nhiên, nội dung tại văn bản trên không có nội dung nào thể hiện về việc các bên thỏa thuận chơi bắt họ mới mà nội dung của bản trên thể hiện thời gian ngày 08/01/2020 là thời điểm kết thúc của quý họ thứ 8, chuẩn bị bước sang quý họ thứ 9 (ngày 10/01/2020). Nếu theo đúng thỏa thuận, thì từ lần lấy họ thứ 3 đến khi kết thúc kỳ thứ 8 (là 5 kỳ) chị H1 sẽ phải đóng đủ 600.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị H1 đã xác nhận nội dung còn nợ tiền họ của chị P đến thời điểm này là 230.000.000 đồng. Điều đó chứng tỏ chị H1 không thực hiện đúng nghĩa vụ đóng tiền họ theo như thỏa thuận. Chị P với tư cách chủ họ phải có trách nhiệm ứng tiền ra đóng đủ cho suất họ của chị H1. Chứng cứ này phù hợp với lời khai của những người làm chứng. Do vậy có căn cứ để kết luận: Đến thời điểm kết thúc quý họ thứ 8, chị H1 vi phạm nghĩa vụ đóng tiền họ và còn nợ chị P số tiền họ là 230.000.000 đồng; đồng thời chị H1 còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đóng tiền họ của hai quý tiếp theo là quý thứ 9 (thời điểm 10/01/2020) là 120.000.000 đồng và quý thứ 10 (thời điểm 10/04/2020) là 120.000.000 đồng, tổng số tiền của quý 9 và quý 10 là 240.000.000 đồng.

Chị H1 khẳng định không còn nợ chị P bất cứ khoản tiền họ nào vì chị H1 đã chuyển trả đủ tiền họ cho chị P thể hiện qua các giao dịch chuyển tiền mà chị H1 thực hiện từ sao kê tài khoản ngân hàng để cung cấp cho Tòa. Cụ thể: Quyền 1 - sao kê tài khoản thanh toán khách hàng thể hiện các giao dịch của chị H1 trong khoảng thời gian từ ngày 30/12/2016 đến 04/01/2017; quyền 2 - sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng thể hiện các giao dịch của chị H1 trong khoảng thời gian từ ngày 08/01/2018 đến ngày 27/8/2020. Tuy nhiên, quyền 1 có nội dung thể hiện các giao dịch của chị H1 thực hiện trong khoảng thời gian trước khi các bên chơi bắt họ đang tranh chấp (thời gian các bên bắt đầu thực hiện là ngày 10/01/2018). Do vậy các giao dịch giữa chị P và chị H1 trong khoảng thời gian này không có ý nghĩa chứng minh. Còn quyền 2, có nội dung thể hiện các

giao dịch của chị H1 thực hiện trong thời gian từ ngày 08/01/2018 đến ngày 27/8/2020, trong đó thể hiện giao dịch cuối cùng mà chị H1 chuyển khoản cho chị P là ngày 13/12/2019, trước ngày chị H1 viết giấy xác nhận còn nợ họ chị P 230.000.000 đồng (ngày 08/01/2020). Kể từ thời điểm đó đến nay, trong sao kê không thể hiện bất cứ giao dịch nào giữa chị H1 và chị P. Do vậy, lý do chị H1 cho rằng không còn nợ chị P tiền họ vì đã chuyển khoản trả đủ cho chị P là không có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của chị P, buộc chị H1 trả chị P số tiền còn nợ họ là 470.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định.

[4] Về yêu cầu của chị P đề nghị chị H1 phải trả tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm của số tiền nợ góp họ 470.000.000 đồng là 168.596.000 đồng, trong đó gồm:

Tiền lãi của số tiền nợ góp họ 230.000.000 đồng, tính từ ngày 08/01/2020 là ngày viết Giấy xác nhận nợ họ đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/9/2023 = 83.052.000 đồng.

Tiền lãi của số tiền nợ góp họ 120.000.000 đồng của đợt thanh toán cho suất thứ 9 là ngày 10/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/9/2023 = 43.265.000 đồng.

Tiền lãi của số tiền nợ góp họ 120.000.000 đồng (của đợt thanh toán cho suất thứ 10 là ngày 10/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/9/2023 = 42.279.000 đồng là.

Căn cứ Điều 21, Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, biểu, phường; khoản 4 Điều 466, Điều 468, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị P về việc buộc chị H1 phải trả tiền lãi do nợ góp họ với tổng số tiền 168.596.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Từ phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị H1 trả cho chị P tổng số tiền 638.596.000 đồng, trong đó có 470.000.000 đồng là tiền góp họ còn nợ và 168.596.000 đồng là tiền lãi phát sinh trên số tiền góp họ còn nợ kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của chị H1 không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị H1, giữ nguyên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của chị H1 không được chấp nhận nên chị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ khoản 4 Điều 466; Điều 468; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 16, Điều 17, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, biểu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị P.

Buộc chị Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho chị Triệu Thị P tổng số tiền là 638.596.000 đồng (Sáu trăm ba mươi tám triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng), trong đó tiền nợ góp họ là 470.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng), tiền lãi nợ góp họ là 168.596.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Triệu Thị P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, chị Nguyễn Thị H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 29.543.840 đồng (Hai mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm bốn mươi đồng).

Hoàn trả chị Triệu Thị P số tiền 11.600.000 đồng (Mười một triệu, sáu trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004872 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Y.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0001211 ngày 21/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND thành phố Y;
- VKSND thành phố Y;
- Chi cục THADS thành phố Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà

